TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2023/DS-ST
Ngày: 08-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh V, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số 96/5A Hàm Tử, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 5, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Thường trú: Số 24/21C Bến Lội, phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 36 đường 5D, phường E, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 28/4/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh V trình bày:

Ngày 02/4/2020, ông Huỳnh Thanh V có cho ông Nguyễn Quốc T mượn số tiền lần 1 là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lần 2 vào ngày 03/4/2020 số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), kỳ hạn là 03 (ba) tháng, không tính lãi. Để làm tin, ông T có đưa cho ông 01 thẻ đảng viên của Nguyễn Quốc T. Ngày 02/7/2020, ông T mượn lại thẻ đảng viên để cơ quan kiểm tra nên ông đã giao lại thẻ đảng viên cho ông T. Đến ngày 04/7/2020, ông T vẫn chưa trả số tiền đã mượn. Ông đã nhiều lần nhắn tin và đến nhà yêu cầu ông T trả số tiền đã mượn. Ông T có đưa cho ông số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Do vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quốc T thanh toán cho ông các khoản tiền sau:

Tiền gốc: 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng);

Tiền lãi do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 04/7/2020 đến ngày xét xử là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 27/12/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông thừa nhận có mượn của ông Huỳnh Thanh V với tổng số tiền là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 02/4/2020 và Giấy mượn tiền ngày 03/4/2020, kỳ hạn là 03 (ba) tháng, lãi suất là 8%/tháng. Ông đã đóng lãi cho ông V được khoảng 01 (một) năm. Các giấy tờ liên quan đến trả lãi cho ông V đã lâu ông không còn lưu giữ nên không thể nộp cho Tòa án. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân không có việc làm ổn định, ông đồng ý trả cho ông V số tiền vay là 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhưng xin được trả dần mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi hết số tiền 267.000.000đ (hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Theo bản tự khai ngày 21/7/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh N trình bày:

Bà là vợ của ông Huỳnh Thanh V, số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) mà chồng bà là ông V cho ông T mượn là tài sản riêng của ông V, bà không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Huỳnh Thanh V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông Nguyễn Quốc T phải trả số tiền gốc đã mượn và tiền lãi tính đến ngày xét xử. Ông T hiện đang cư trú tại tổ 2, khu phố 5, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh N có đơn xin vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Huỳnh Thanh V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông Nguyễn Quốc T phải trả cho ông số tiền gốc là 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 04/7/2020 đến ngày xét xử là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu trả nợ gốc của ông V, Hội đồng xét xử xét:

Tại Giấy mượn tiền ngày 02/4/2020 và Giấy mượn tiền ngày 03/4/2020, ông Nguyễn Quốc T thừa nhận có mượn của ông Huỳnh Thanh V số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), kỳ hạn 03 (ba) tháng, chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 02/4/2020 và Giấy mượn tiền ngày 03/4/2020 là của ông. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy Giấy mượn tiền là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Việc ông T không trả tiền cho ông V đầy đủ theo đúng cam kết ghi trong Giấy mượn tiền ngày 02/4/2020 và Giấy mượn tiền ngày 03/4/2020 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu tính lãi của ông V, Hội đồng xét xử xét:

Tại Giấy mượn tiền ngày 02/4/2020 thể hiện số tiền vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), không thể hiện lãi suất cho vay, kỳ hạn vay là 03 (ba) tháng và Giấy mượn tiền ngày 03/4/2020 thể hiện số tiền vay là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), không thể hiện lãi suất cho vay, kỳ hạn vay là 03 (ba) tháng. Xét ông T cho rằng Giấy mượn tiền ngày 02/4/2020 và Giấy mượn tiền ngày 03/4/2020 có lãi với lãi suất là 8%/tháng, ông đã đóng lãi cho ông V được khoảng 01 (một) năm nhưng ông T không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh có đóng lãi cho ông V, hơn nữa ông V không thừa nhận có nhận tiền lãi từ ông T nên Giấy mượn tiền ngày 02/4/2020 và Giấy mượn tiền ngày 03/4/2020 là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Ông T vẫn chưa thanh toán đủ cho ông V số tiền vay ngày 02/4/2020 là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền vay ngày 03/4/2020 là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), do đó yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ ngày 04/7/2020 đến ngày xét xử của ông V là phù hợp theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở để chấp nhận.

Xét tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc T đồng ý trả cho ông Huỳnh Thanh V số tiền đã vay là 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi là

50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tổng số tiền ông T phải trả cho ông V là 267.000.000đ (hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng) nhưng ông T xin được trả dần mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi hết số tiền 267.000.000đ (hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng) nhưng ông V không đồng ý mà yêu cầu ông T trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của ông V để buộc ông T phải trả số tiền gốc và tiền lãi là 267.000.000đ (hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30 và Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh V.

Buộc ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Thanh V số tiền nợ gốc 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi chậm trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tổng cộng là 267.000.000đ (hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 13.350.000đ (mười ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Quốc T phải chịu.

Trả lại cho ông Huỳnh Thanh V tiền tạm ứng án phí 6.820.000đ (sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0044661 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[3] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thủy